

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **49** /2025/HS-ST
Ngày 12-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Trang

2. Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/HSST ngày 10 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HS ngày 25/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, T1 gọi khác: Không.

Giới tính: Nữ; Sinh năm 1990, tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1953 và bà Lê Thị K, sinh năm 1960;

Chồng: Trần Văn H, sinh năm 1989.

Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

(Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại:**

1. Bà **Thị M**, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Thị K1**, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà **Lê Thị T2**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà **Văn Thị T3**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông **Lê Trung C**, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

7. Ông **Dương Tiến S1**, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Bùi Minh T4**, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là đối tượng không có việc làm và cần tiền để tiêu xài nên đã giả làm người từ thiện để chiếm đoạt tài sản của những gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã X, huyện X, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 07/9/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 60N1-5920 đi đến xã X tìm những người có hoàn cảnh khó khăn để chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến ấp T, xã X, T gặp và chủ động bắt chuyện với bà Thị M, sinh năm 1953, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai và biết bà M có hoàn cảnh khó khăn nên T lấy lý do muốn đến xem nhà bà M như thế nào để tặng quà thì bà M đồng ý. Khi đến nhà bà M, T nhìn thấy bà M có đeo 01 đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 18K, trọng lượng 05 phân nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt đôi bông tai của bà M. Để thực hiện ý định, T nói bà M gỡ đôi bông tai ra để T chụp hình cho những người làm từ thiện biết được hoàn cảnh khó khăn thì bà M đồng ý để T tháo đôi bông tai ra để trên tủ ở phòng khách và tiếp tục có lời nói, hành động làm cho bà M tin tưởng và không chú ý đến đôi bông tai. Sau đó, thấy bà M không để ý, T đã lấy đôi bông tai cất giấu vào người rồi đi khỏi nhà bà M. T đem đôi bông tai vừa chiếm đoạt được của bà M đến tiệm V tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai bán cho anh Bùi Minh T4, sinh năm 2002, trú tại ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai được số tiền 2.200.000 đồng. Ngoài ra, bà M còn khai bị mất trộm 01 điện thoại di động hiệu Realme C51, màu xanh dương.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 13/9/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 60N1-5920 đi đến xã X để tìm những người có hoàn cảnh khó khăn để chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, T vào nhà bà Thị K1, sinh năm 1953, trú tại ấp T, xã X, huyện X,

tỉnh Đồng Nai thì thấy bà K1 đang nằm trên giường, thì T hỏi thăm bà K1 và nói đang đi làm từ thiện đến xem hoàn cảnh gia đình bà như thế nào để hỗ trợ quà, trong lúc nói chuyện thì T thấy bà K1 đeo 01 đôi bông tai màu vàng, loại vàng 18k, có trọng lượng 01 chỉ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt đôi bông tai của bà K1. Để thực hiện ý định, T nói bà K1 gỡ bông tai ra để chụp hình bà K1 cho người khác xem để thấy được hoàn cảnh khó khăn thì bà K1 đồng ý để Tươi tháo đôi bông tai ra để trên giường. Khi thấy bà K1 nghi ngờ T sẽ chiếm đoạt đôi bông tai nên T cầm bông tai để trên bàn để cho bà K1 thấy. Sau đó, T nhờ bà K1 xuống bếp lấy cho T chai nước uống rồi Tươi lấy đôi bông tai cất giấu vào người. Sau khi bà K1 mang nước lên thì Tươi kéo bà K1 ra ngoài sân để chụp hình nhằm tránh việc bà K1 phát hiện việc T đã chiếm đoạt đôi bông tai rồi T lên xe tẩu thoát. Sau đó, T đem đôi bông tai vừa chiếm đoạt được đến tiệm V1 T5 tại thành phố L bán cho bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969, trú tại khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai được số tiền 2.300.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 14/9/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 60N1-5920 đi đến xã X để tìm những người có hoàn cảnh khó khăn để chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, khi T đi đến xã X thì gặp bà Lê Thị H1, sinh năm 1962, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên T tiếp cận nói chuyện và nói mình đang làm từ thiện thì bà H1 rủ T về nhà chơi. Khi đến nhà bà H1, T nói bà H1 lưu số điện thoại của T với ý đồ là bà Hồng già nên không biết lưu số điện thoại sẽ đưa điện thoại cho T lưu số, khi đó T sẽ lợi dụng bà H1 không để ý đến điện thoại sẽ chiếm đoạt. Bà H1 đưa điện thoại di động hiệu Realme C53, màu đen cho Tươi lưu số điện thoại của T. Sau đó, T cầm điện thoại của bà H1 trên tay rồi cùng bà H1 đi ra ngoài đường tiếp tục nói chuyện. Lợi dụng bà H1 không để ý, T lên xe tẩu thoát rồi đem điện thoại chiếm đoạt được của bà H1 bán cho một người đàn ông đi đường (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 1.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 14/9/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 60N1-5920 đi đến xã X để tìm những người có hoàn cảnh khó khăn để chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến ấp T, xã X thì T gặp người phụ nữ khoảng 70 tuổi (không rõ lai lịch) đang ngồi trước nhà nên T đến tiếp cận nói chuyện và giới thiệu mình đang làm từ thiện thì người phụ nữ này nói có con gái tên Lê Thị T2, sinh năm 1985, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nhà có hoàn cảnh khó khăn và chỉ nhà chị T2 để Tươi đến thăm hỏi tặng quà. Khi đến nhà chị T2, T nói với chị T2 về việc T đang đi làm từ thiện thấy gia đình chị T2 có hoàn cảnh khó khăn nên đến xem xét để tặng quà. Sau đó, T đi vào trong nhà chị T2 để giả vờ xem hoàn cảnh như thế nào để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi đi vào trong phòng ngủ nhà chị T2 thì T nhìn thấy 01 máy tính bảng hiệu S2 S9 Plus, màu xanh đen đang để trên đầu giường. Lợi dụng không ai để ý, T đã lấy máy tính bảng giấu vào trong người rồi tiếp tục đi ra ngoài nói với chị T2 sẽ quay lại để hỗ trợ quà. Sau đó, T đem máy tính bảng vừa chiếm đoạt được bán cho một người đàn ông đi đường (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 500.000 đồng.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/9/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 60N1-5920 đi đến xã X để tìm

những người có hoàn cảnh khó khăn để chiếm đoạt tài sản. Khi đi đến khu vực Ủy ban nhân dân xã X, T gặp bà Văn Thị T3, sinh năm 1967, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đang đi bộ nên T tiếp cận và nói về việc T đang đi làm từ thiện, hỏi nhà bà T3 ở đâu để T chở về nhà thì bà T3 đồng ý. Khi đến nhà bà T3, T hỏi về hoàn cảnh nhà bà T3 và nói bà T3 đưa điện thoại của bà T3 cho T để lưu số điện thoại để liên lạc phát quà từ thiện. Khi bà T3 đưa điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, màu đen cho T thì T để điện thoại của bà T3 ở trên bộ phận đang ngồi và nhờ bà T3 đi lấy nước uống. Trong lúc bà T3 đi ra ngoài đường để mua nước thì T lấy điện thoại của bà T3 giấu vào người rồi bỏ đi. Khi T ra đến ngoài sân thì gặp bà T3 đi về nên T nói đang có việc gấp nên sẽ quay lại sau. Sau đó, T đem điện thoại di động vừa chiếm đoạt được của bà T3 đến cửa hàng mua bán điện thoại di động Nhật M1 tại ấp T, xã X bán cho anh Dương Tiến S1, sinh năm 1998, trú tại thôn F, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam được số tiền 650.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17/9/2024, sau khi chiếm đoạt tài sản của bà Văn Thị T3, T tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 60N1-5920 đi đến ấp T, xã X thì T đi vào nhà ông Lê Trung C, sinh năm 1955, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai và nói với ông C về việc T đang đi làm từ thiện, thấy gia đình ông C có hoàn cảnh khó khăn nên T đến để hỗ trợ. Tươi yêu cầu ông C đưa căn cước công dân của ông C để T chụp hình. Khi thấy ông C đi vào phòng ngủ lấy căn cước công dân thì T đi vào phòng khách nhà ông C mở hộc tủ chiếm đoạt số tiền 1.800.000 đồng rồi bỏ đi

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG ngày 14/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện X, kết luận:

- 01 (một) đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 18k, có trọng lượng 05 phân có giá trị 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).
- 01 (một) đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 18k, có trọng lượng 01 chỉ có giá trị 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng).
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C51, màu xanh dương có giá trị 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C53, màu đen có giá trị 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- 01 (một) máy tính bảng hiệu S2 S9 Plus Wife, màu xanh đen có giá trị 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).
- 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 Galaxy A30, màu đen có giá trị 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

*** Vật chứng vụ án:**

- 01 (một) đĩa DVD chứa 02 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh của Công an xã X và tiệm V thể hiện hình ảnh Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô tẩu thoát và hình ảnh Nguyễn Thị T đang bán vàng tại tiệm V.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ - đen, biển số 60N1-5920 thu giữ của Nguyễn Thị T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Trần Văn T6, sinh năm 1966, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (bố chồng của T), không liên quan đến hành vi phạm tội của T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện X đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô trên cho ông Trần Văn T6.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 Galaxy J7 Pro, màu đen thu giữ của Nguyễn Thị T. Quá trình điều tra xác định T đã sử dụng điện thoại di động nêu trên để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công.

- Số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) Nguyễn Thị T đã tiêu xài hết nên không thu giữ được.

- 01 (một) đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 18k, có trọng lượng 05 phân (không thu giữ được).

- 01 (một) đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 18k, có trọng lượng 01 chỉ (không thu giữ được).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C51, màu xanh dương (không thu giữ được).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C53, màu đen (không thu giữ được).

- 01 (một) máy tính bảng hiệu S2, màu xanh đen (không thu giữ được).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, màu đen do anh Dương Tiến S1 tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của bà Văn Thị T3, sinh năm 1967, trú tại ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai bị Nguyễn Thị T chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho bà Văn Thị Tuyết .

*** Trách nhiệm dân sự:** Nguyễn Thị T đã bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Thị M số tiền 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) là giá trị của 01 đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 18K, trọng lượng 05 phân, bà M đã nhận số tiền trên, không yêu cầu gì khác về dân sự.

- Bồi thường cho bà Thị K1 số tiền 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) là giá trị của 01 đôi bông tai màu vàng, loại vàng 18k, có trọng lượng 01 chỉ, bà K1 đã nhận số tiền trên, không yêu cầu gì khác về dân sự.

- Bồi thường cho bà Lê Thị H1 số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là giá trị của 01 điện thoại di động hiệu Realme C53, màu đen, bà H1 đã nhận số tiền trên, không yêu cầu gì khác về dân sự.

- Bồi thường cho chị Lê Thị T2 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là giá trị của 01 máy tính bảng hiệu S2 S9 Plus Wife, màu xanh đen, chị T2 đã nhận số tiền trên, không yêu cầu gì khác về dân sự.

- Bà Văn Thị T3 đã nhận lại 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A30, màu đen nên không yêu cầu gì khác về dân sự.

- Bồi thường cho ông Lê Trung C số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng), ông C đã nhận số tiền trên, không yêu cầu gì khác về dân sự.

- Bồi thường cho Anh Dương Tiến S1 số tiền 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền anh S1 mua 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A30, màu đen của Tươi, anh S1 đã nhận số tiền trên, không yêu cầu gì khác về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKSXL ngày 03/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc truy tố bị cáo Nguyễn Thị T7 về tội: “Trộm cắp tài sản”,

được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, được quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 08 tháng đến 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái và rất ăn năn, hối lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để các bị cáo sớm về với gia đình, nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận: Từ ngày 07/9/2024 đến ngày 17/9/2024, tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thị T đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc đi làm từ thiện để tiếp cận những người có hoàn cảnh khó khăn làm cho các bị hại tin tưởng đó là thật và giao tài sản cho T. Bằng thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt 01 đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 18k, trọng lượng 05 phân trị giá 2.550.000 đồng của bà Thị M; chiếm đoạt 01 đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ trị giá 5.100.000 đồng của bà Thị K1; chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Realme C53, màu đen trị giá 2.000.000 đồng của bà Lê Thị H1; chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, màu đen trị giá 1.200.000 đồng của bà Văn Thị Tuyết . Tổng giá trị tài sản bị T chiếm đoạt là 10.850.000 đồng (*Mười triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

Đồng thời, ngày 14/9/2024 và ngày 17/9/2024 tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thị T đã có hành vi sử dụng kịch bản đi làm từ thiện để tiếp cận những người có hoàn cảnh khó khăn rồi lén lút chiếm đoạt 01 máy tính bảng hiệu S2 S9 Plus Wife, màu xanh đen trị giá 3.000.000 đồng của chị Lê Thị T2; chiếm đoạt số tiền 1.800.000 đồng của ông Lê Trung C. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thị T chiếm đoạt được là 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm ngàn đồng*).

Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015

[3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên sẽ được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhận thấy: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, nhưng do lười lao động mà bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và lừa đảo tài sản để kiếm tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn trật tự tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu lưu hồ sơ: 01 (một) đĩa DVD chứa 02 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh của Công an xã X và tiệm V thể hiện hình ảnh Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô tẩu thoát và hình ảnh Nguyễn Thị T đang bán vàng tại tiệm V.

- Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 J7 Pro, màu đen là công cụ thực hiện hành vi phạm tội thu giữ của Nguyễn Thị T.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Các vấn đề khác:

* Đối với anh Bùi Minh T4, bà Nguyễn Thị H2, anh Dương Tiến S1 đã mua các tài sản do Nguyễn Thị T phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định, anh Bùi Minh T4, bà Nguyễn Thị H2, anh Dương Tiến S1 không biết các tài sản mua của Nguyễn Thị T là do T phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

* Đối với 02 người đàn ông đã mua các tài sản do Nguyễn Thị T phạm tội mà có, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên không có căn cứ xử lý.

* Đối với việc bà Thị M khai báo bị mất điện thoại di động nhãn hiệu Realme C51, màu xanh dương vào ngày 07/9/2024, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện X không có cơ sở kết luận Nguyễn Thị T chiếm đoạt điện thoại nêu trên của bà M nên đề nghị tách ra, tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173 và khoản 1 Điều 174; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 38 Bộ Luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T **06 (sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và **01 (một)** năm **02 (hai)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành **01 (một)** năm **08 (tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu lưu hồ sơ: 01 (một) đĩa DVD chứa 02 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh của Công an xã X và tiệm V thể hiện hình ảnh Nguyễn Thị T điều khiển xe mô tô tẩu thoát và hình ảnh Nguyễn Thị T đang bán vàng tại tiệm V.

- Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại di động hiệu S2 J7 Pro, màu đen là công cụ thực hiện hành vi phạm tội thu giữ của Nguyễn Thị T.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND. T.Đồng Nai;
- VKSND T.Đồng Nai;
- Sở tư pháp T.Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục THADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ